

BÁO CÁO SĨ SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG

(Tính đến ngày 01/8/2025)

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
Khoa Điện - Điện tử				1.394	
2019				41	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	19T4-ĐCN1	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19T4-ĐĐT1	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS
3	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	19C1-CĐT1	4	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	19C1-ĐCN1	5	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	19C1-ĐCN2	13	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19C1-ĐĐT1	7	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19C1-ĐĐT2	6	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	19C1-TĐH1	4	Nợ môn
2020				165	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	20T4-CĐT1	18	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	20T4-ĐCN1	24	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20T4-ĐĐT1	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động	20T4-TĐH1	11	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	20C1-CĐT1	21	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	20C1-ĐCN1	11	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	20C1-ĐCN2	14	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C1-ĐĐT1	11	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C1-ĐĐT2	7	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	20C1-TĐH1	9	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	20C1-TĐH2	10	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	20C2-ĐCN1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS (gia hạn đến hết tháng 8/2025)
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C2-ĐĐT1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi DQTV (gia hạn đến hết tháng 9/2025)
14	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C3-ĐĐT1	2	Nợ môn
15	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	20C5-CĐT1	3	Nợ môn
16	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Cơ điện tử	20C6-CĐT1	8	Nợ môn
2021				142	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	21T2-ĐCN1	6	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	21T4-CĐT1	11	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	21T4-ĐCN1	21	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21T4-ĐĐT1	21	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	21T4-TĐH1	4	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	21C1-CĐT1	9	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	21C1-ĐCN1	17	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	21C1-ĐCN2	14	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21C1-ĐĐT1	16	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	21C1-TĐH1	10	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Cơ điện tử	21C3-CĐT1	5	Nợ môn
12	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	21C5-CĐT1	6	Nợ môn
13	Cao đẳng - LKQT	Điện công nghiệp	21C7-ĐCN1	2	Nợ môn
2022				248	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	22T4-CĐT1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	22T4-ĐCN1	41	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22T4-ĐĐT1	35	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	22T4-TĐH1	20	
5	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	22C1-CĐT1	22	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN1	24	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN2	11	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22C1-ĐĐT1	25	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	22C1-TĐH1	17	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	22C2B-CĐT1	5	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	22C2B-ĐCN1	13	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22C2B-ĐĐT1	2	Nợ môn
2023				341	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1BP	17	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1DH	57	TTGDTX Duyên Hải - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	23T4-CĐT1	21	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	23T4-ĐCN1	31	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23T4-ĐĐT1	29	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	23C1-CĐT1	15	
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	23C1-ĐCN1	43	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C1-ĐĐT1	32	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C1-TĐH1	22	
10	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	23C2-CĐT1	15	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	23C2-ĐCN1	26	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C2-ĐĐT1	12	Nợ môn
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C2-TĐH1	13	Nợ môn
14	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	23C8-ĐCN1	8	
2024				299	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	24T4-CĐT1	20	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	24T4-ĐCN1	26	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24T4-ĐĐT1	27	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện tử công nghiệp	24T4-ĐTC1	2	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	24T4-TĐH1	10	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	24C1-CĐT1	18	
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	24C1-ĐCN1	39	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24C1-ĐĐT1	34	
9	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	24C2-CĐT1	29	
10	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	24C2-ĐCN1	35	
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24C2-ĐĐT1	35	
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	24C2-TĐH1	14	
13	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	24C8-ĐCN1	10	
2025				158	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	25T2-ĐCN1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	25T4-CĐT1	12	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	25T4-ĐCN1	24	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	25T4-ĐĐT1	22	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện tử công nghiệp	25T4-ĐTC1	2	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	25T4-TĐH1	6	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	25C1-CĐT1	9	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	25C1-ĐCN1	28	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	25C1-ĐĐT1	20	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Điện tử công nghiệp	25C1-ĐTC1	1	SV khóa mới
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	25C1-TĐH1	16	SV khóa mới
12	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	25C2-ĐCN1	2	SV khóa mới
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	25C2-ĐĐT1	8	SV khóa mới
14	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	25C8-ĐCN1	7	SV khóa mới
Khoa Cơ khí				1.044	
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	17T4-CCK1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2025 do đi NVQS
2018				2	
1	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	18C1-CCK4	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2026 do đi NVQS
2	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	18C1-CKL1	1	Ban Giám hiệu duyệt được gia hạn thời gian đào tạo đến 8/2026 do đi NVQS
2019				52	
1	Cao đẳng - 2,5N	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	19C1-BCN1	4	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK1	5	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK2	5	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK3	9	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK4	18	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK5	1	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	19C1-CTM1	8	Nợ môn
8	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3-CCK1	2	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2020				136	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20T4-CCK1	12	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20T4-CCK2	13	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	20T4-CKC1	24	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cắt gọt kim loại	20T4-CKL1	3	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	20C1-BCN1	6	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK1	8	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK2	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK3	13	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK4	9	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK5	7	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	20C1-CKL1	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Chế tạo khuôn mẫu	20C1-CTK1	5	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM1	10	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM2	6	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM3	3	Nợ môn
16	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C2-CCK1	1	Ban Giám hiệu duyệt học lại ngày 08/4/2025 (gia hạn thời gian đào tạo đến hết tháng 10/2025)
17	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C3-CCK1	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC	Công nghệ chế tạo máy	20C3-CTM1	2	Nợ môn
2021				101	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21T4-CCK1	14	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	21T4-CKC1	14	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	21T4-CTM1	9	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK1	12	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK2	9	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK3	20	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK4	10	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	21C1-CTM1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C7-CCK1	7	Nợ môn
2022				188	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22T4-CCK1	38	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	22T4-CKC1	16	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	22T4-CTM1	19	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK1	19	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK2	21	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK3	27	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK4	20	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	22C1-CTM1	12	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C2B-CCK1	4	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	22C2B-CTM1	5	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C3-CCK1	4	Nợ môn
12	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C7-CCK1	3	Nợ môn
2023				231	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK1	34	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK2	18	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	23T4-CTM1	30	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK1	46	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK2	36	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK3	19	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	23C1-CTM1	14	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C2-CCK1	20	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
9	Cao đẳng - LT	Cắt gọt kim loại	23C2-CKL1	4	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	23C2-CTM1	10	Nợ môn
2024				241	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK1	38	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK2	21	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cắt gọt kim loại	24T4-CKL1	16	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C1-CCK1	46	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C1-CCK2	44	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	24C1-CKL1	13	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	24C1-CTM1	18	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C2-CCK1	33	
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	24C2-CTM1	12	
2025				92	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ chế tạo máy	25T2-CTM1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	25T4-BCN1	2	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25T4-CCK1	19	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	25T4-CKC1	2	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cắt gọt kim loại	25T4-CKL1	4	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	25T4-CTM1	1	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	25C1-BCN1	3	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C1-CCK1	48	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	25C1-CKL1	5	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	25C1-CTM1	4	SV khóa mới
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C2-CCK1	1	SV khóa mới
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	25C2-CTM1	1	SV khóa mới
13	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C7-CCK1	1	SV khóa mới
Khoa Động lực				2.168	
2018				5	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2026 do đi NVQS
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ2	1	Ban Giám hiệu duyệt cho học trả nợ môn do hoàn thành NVQS (được gia hạn đến hết T3/2026)
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ4	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2026 do đi NVQS
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	18C1-CNÔ2	1	Ban Giám hiệu duyệt được gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2026 do hoàn thành NVQS
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	18C1-CNÔ8	1	Ban Giám hiệu duyệt được gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2026 do hoàn thành NVQS

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2019				67	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4-CNÔ5	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ1	10	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ2	7	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ3	2	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ4	5	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ5	3	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ6	3	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ7	12	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ8	11	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ9	12	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	19C3-CNÔ3	1	Nợ môn
2020				201	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ1	12	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ2	9	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ3	17	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ4	11	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ5	16	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ1	11	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ2	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ3	3	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ4	5	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ5	13	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ6	10	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ7	1	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ8	9	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ9	3	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ10	7	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ11	7	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ12	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ13	11	Nợ môn
19	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ14	11	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ1	7	Nợ môn
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ2	4	Nợ môn
22	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ3	4	Nợ môn
23	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	20C5-CNÔ1	1	Nợ môn
24	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ1	1	Nợ môn
25	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ2	5	Nợ môn
26	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ3	7	Nợ môn
27	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ4	5	Nợ môn
2021				172	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ1	13	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ2	18	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ3	13	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ1	10	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ2	4	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ3	9	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ4	11	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ5	13	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ6	14	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ7	6	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ8	11	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ9	7	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ10	9	Nợ môn
14	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ1	2	Nợ môn
15	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ2	8	Nợ môn
16	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ3	3	Nợ môn
17	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ4	4	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	21C5-CNÔ1	5	Nợ môn
19	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	21C6-CNÔ1	6	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	21C6-CNÔ2	6	Nợ môn
2022				346	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	22T2-CNÔ1	5	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ1	36	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ2	24	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ3	33	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ4	25	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ5	30	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ6	25	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ1	12	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ2	14	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ3	15	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ4	15	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ5	15	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ6	19	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ7	14	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ8	15	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ9	13	Nợ môn
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2B-CNÔ1	5	Nợ môn
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2B-CNÔ2	3	Nợ môn
19	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ1	8	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ2	6	Nợ môn
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ3	9	Nợ môn
22	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	22C6-CNÔ1	5	Nợ môn
2023				643	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	23T2-CNÔ1	12	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Công nghệ ô tô	23T3-CNÔ1CK	43	TTGDTX Cầu Kè - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ1	38	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ2	29	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ3	30	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ4	31	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ5	36	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ6	29	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ1	40	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ2	44	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ3	43	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ4	35	
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ5	39	
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ6	39	
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ7	31	
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ8	29	
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ1	21	Nợ môn
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ2	23	Nợ môn
19	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ1	27	
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ2	24	
2024				501	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ1	38	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ2	31	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ3	37	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ4	32	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ1	45	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ2	46	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ3	51	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ4	37	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ5	43	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ6	38	
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ1	44	
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ2	26	
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ3	33	
2025				233	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	25T4-CNÔ1	58	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	25T4-CNÔ2	47	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ1	58	SV khóa mới
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ2	58	SV khóa mới
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ3	9	SV khóa mới
6	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	25C2-CNÔ1	3	SV khóa mới
Khoa Công nghệ Thông tin				2.415	
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	17T4-TKW1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2025 do đi NVQS
2018				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	18T4-CMT1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2026 do đi NVQS
2019				32	
1	Trung cấp - 1N3	Quản trị mạng máy tính	19T2-QTM1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS (gia hạn đến hết tháng 02/2026)
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	19T4-CMT1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	19T4-TKĐ1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
4	Cao đẳng - 2,5N	An ninh mạng	19C1-ANM1	3	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	19C1-CMT1	2	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	19C1-LTM1	3	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	19C1-QTM1	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	19C1-TKĐ1	5	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	19C1-TKĐ2	9	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	19C1-TKW1	2	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	19C2-QTM1	1	Đơn xin gia hạn thời gian đào tạo do đi NVQS (gia hạn đến hết T7/2025)
2020				187	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	20T4-ANM1	8	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	20T4-CMT1	21	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	20T4-ĐHĐ1	10	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	20T4-LTM1	9	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	20T4-LTM2	9	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	20T4-QTM1	7	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	20T4-QTM2	5	Nợ môn
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	20T4-THU1	20	Nợ môn
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ1	22	Nợ môn
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ2	15	Nợ môn
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ3	17	Nợ môn
12	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	20T4-TKW1	14	Nợ môn
13	Trung cấp - 1N (Buổi tối)	Tin học ứng dụng	20T5-THU1	1	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	20C1-CMT1	5	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	20C1-ĐHĐ1	1	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	20C1-LTM1	3	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	20C1-LTM2	3	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	20C1-QTM1	5	Nợ môn
19	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	20C1-TKĐ1	6	Nợ môn
20	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	20C1-TKĐ2	4	Nợ môn
21	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	20C1-TKW1	2	Nợ môn
2021				200	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	21T4-ANM1	9	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	21T4-CMT1	21	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	21T4-ĐHĐ1	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	21T4-LTM1	17	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	21T4-LTM2	14	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	21T4-QTM1	14	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	21T4-THU1	10	Nợ môn
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	21T4-TKĐ1	13	Nợ môn
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	21T4-TKĐ2	25	Nợ môn
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	21T4-TKW1	8	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	21C1-CMT1	10	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	21C1-LTM1	7	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	21C1-LTM2	5	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	21C1-QTM1	5	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	21C1-TKĐ1	11	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	21C1-TKĐ2	7	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	21C1-TKW1	5	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
18	Cao đẳng - CLC	Lập trình máy tính	21C3-LTM1	4	Nợ môn
19	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	21C7-LTM1	1	Nợ môn
2022				509	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	22T4-ANM1	19	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	22T4-CMT1	39	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ1	41	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ2	30	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM1	44	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM2	49	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	22T4-QTM1	41	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	22T4-THU1	31	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ1	48	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ2	49	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	22T4-TKW1	14	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	22C1-CMT1	14	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	22C1-LTM1	9	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	22C1-QTM1	5	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Tin học ứng dụng	22C1-THU1	4	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ1	16	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ2	10	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	22C1-TKW1	6	Nợ môn
19	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	22C2B-ANM1	3	Nợ môn
20	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	22C2B-CMT1	4	Nợ môn
21	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	22C2B-LTM1	6	Nợ môn
22	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	22C2B-QTM1	9	Nợ môn
23	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	22C2B-THU1	5	Nợ môn
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	22C2B-TKĐ1	4	Nợ môn
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	22C2B-TKW1	4	Nợ môn
26	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	22C7-LTM1	5	Nợ môn
2023				633	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tin học ứng dụng	23T3-THU1BP	19	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	23T4-CMT1	29	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	23T4-ĐHĐ1	45	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM1	46	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM2	36	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	23T4-QTM1	33	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	23T4-THU1	35	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ1	42	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ2	45	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ3	30	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	23T4-TKW1	19	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C1-CMT1	21	
13	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	23C1-ĐHĐ1	21	
14	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	23C1-LTM1	50	
15	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	23C1-QTM1	13	
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	23C1-TKĐ1	46	
17	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	23C2-ANM1	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C2-CMT1	18	Nợ môn
19	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	23C2-ĐHĐ1	9	Nợ môn
20	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	23C2-LTM1	11	Nợ môn
21	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	23C2-QTM1	12	Nợ môn
22	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	23C2-THU1	7	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
23	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ1	12	Nợ môn
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ2	23	Nợ môn
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	23C2-TKW1	4	Nợ môn
2024				694	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	24T4-ANM1	11	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	24T4-CMT1	19	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	24T4-ĐHĐ1	41	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM1	38	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM2	22	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	24T4-QTM1	19	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	24T4-THU1	39	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ1	44	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ2	34	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	24T4-TKW1	20	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	24C1-CMT1	15	
12	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	24C1-ĐHĐ1	18	
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	24C1-LTM1	29	
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	24C1-QTM1	16	
15	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	24C1-TKĐ1	40	
16	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	24C2-ANM1	17	
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	24C2-CMT1	27	
18	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	24C2-ĐHĐ1	26	
19	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	24C2-LTM1	40	
20	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	24C2-LTM2	28	
21	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	24C2-QTM1	41	
22	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	24C2-THU1	26	
23	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	24C2-TKĐ1	40	
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	24C2-TKĐ2	33	
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	24C2-TKW1	11	
2025				158	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	25T4-ANM1	9	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	25T4-CMT1	8	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	25T4-ĐHĐ1	8	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	25T4-LTM1	31	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	25T4-QTM1	6	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	25T4-THU1	8	SV khóa mới
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	25T4-TKĐ1	40	SV khóa mới
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	25T4-TKW1	9	SV khóa mới
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Truyền thông và mạng máy tính	25T4-TMT1	2	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	An ninh mạng	25C1-ANM1	2	SV khóa mới
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	25C1-CMT1	9	SV khóa mới
12	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	25C1-ĐHĐ1	1	SV khóa mới
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	25C1-LTM1	6	SV khóa mới
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	25C1-QTM1	3	SV khóa mới
15	Cao đẳng - 2,5N	Tin học ứng dụng	25C1-THU1	1	SV khóa mới
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	25C1-TKĐ1	12	SV khóa mới
17	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	25C2-TKĐ1	2	SV khóa mới
18	Cao đẳng - LKQT	Quản trị mạng máy tính	25C7-QTM1	1	SV khóa mới
Khoa May - Thời trang				100	
2019				1	
1	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	19C1-CNMI	1	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2020				17	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	20T4-CNM1	14	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	20C1-CNM1	3	Nợ môn
2021				7	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	21T4-CNM1	7	Nợ môn
2022				20	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	22T4-CNM1	19	
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	22C1-CNM1	1	Nợ môn
2023				19	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	23T4-CNM1	11	
2	Cao đẳng - 2,5N	May thời trang	23C1-MTT1	5	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	23C2-CNM1	3	Nợ môn
2024				23	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	May thời trang	24T4-MTT1	12	
2	Cao đẳng - 2,5N	May thời trang	24C1-MTT1	5	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	24C2-CNM1	6	
2025				13	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	25T4-CNM1	4	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	May thời trang	25T4-MTT1	5	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	25C1-CNM1	2	SV khóa mới
4	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	25C2-CNM1	2	SV khóa mới
Khoa Xây dựng - Nhiệt lạnh				831	
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	17T4-LĐL1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2025 do đi NVQS
2018				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	18T4-VSL1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2026 do đi NVQS
2019				38	
1	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	19C1-CNL1	5	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	19C1-KML1	9	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	19C1-KML2	3	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	19C1-KXD1	3	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Lắp đặt thiết bị lạnh	19C1-LĐL1	4	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	19C1-VSL1	12	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	19C1-VSL2	2	Nợ môn
2020				109	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20T4-CNL1	4	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20T4-KML1	11	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	20T4-KXD1	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	20T4-LĐL1	8	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20T4-VSL1	17	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20C1-CNL1	7	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20C1-CNL2	15	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20C1-KML1	7	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
9	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20C1-KML2	3	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	20C1-KXD1	8	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Lắp đặt thiết bị lạnh	20C1-LĐL1	2	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Quản lý xây dựng	20C1-QXD1	2	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20C1-VSL1	8	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20C1-VSL2	3	Nợ môn
2021				75	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21T4-KML1	24	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	21T4-KXD1	6	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	21T4-VSL1	15	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	21C1-CNL1	5	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21C1-KML1	13	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	21C1-KXD1	3	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	21C1-VSL1	9	Nợ môn
2022				134	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22T4-KML1	26	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	22T4-KXD1	9	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22T4-VSL1	40	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	22C1-CNL1	9	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C1-KML1	21	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	22C1-KXD1	8	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22C1-VSL1	9	Nợ môn
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C2B-KML1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Lắp đặt thiết bị lạnh	22C2B-LĐL1	3	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22C2B-VSL1	3	Nợ môn
2023				176	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23T4-KML1	24	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	23T4-KXD1	9	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23T4-VSL1	42	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C1-CNL1	13	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C1-KML1	29	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	23C1-KXD1	12	
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C1-VSL1	17	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C2-CNL1	7	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C2-KML1	3	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	23C2-KXD1	10	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Lắp đặt thiết bị lạnh	23C2-LĐL1	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C2-VSL1	7	Nợ môn
2024				197	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24T4-KML1	26	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	24T4-KXD1	6	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	24T4-LĐL1	15	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24T4-VSL1	33	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	24C1-CNL1	16	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C1-KML1	36	
7	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	24C1-KXD1	7	
8	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C1-VSL1	14	
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C2-KML1	17	
10	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	24C2-KXD1	7	
11	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C2-VSL1	20	
2025				100	
1	Trung cấp - 1N3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	25T2-KML1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	25T4-CNL1	7	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	25T4-KML1	13	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	25T4-KXD1	4	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	25T4-LĐL1	6	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	25T4-VSL1	30	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	25C1-CNL1	5	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	25C1-KML1	19	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	25C1-KXD1	1	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Lắp đặt thiết bị lạnh	25C1-LĐL1	1	SV khóa mới
11	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	25C1-VSL1	8	SV khóa mới
12	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	25C2-KML1	5	SV khóa mới
Khoa Kinh tế				1.075	
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	17T4-KTD1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2025 do đi NVQS
2019				15	
1	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	19C1-KTD1	6	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	19C1-QTD1	9	Nợ môn
2020				104	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	20T4-KTD1	18	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	20T4-LGT1	12	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	20T4-QTD1	21	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	20T4-TCĐ1	16	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	20T4-TMĐ1	13	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	20C1-KTD1	11	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	20C1-LGT1	5	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	20C1-QTD1	5	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Tài chính doanh nghiệp	20C1-TCĐ1	1	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	20C1-TMĐ1	1	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	20C2-KTD1	1	Ban Giám hiệu duyệt học lại do hoàn thành NVQS ngày 20/11/2024 (có đơn bảo lưu, gia hạn đến hết tháng 9/2025)
2021				93	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	21T4-KTD1	17	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	21T4-LGT1	5	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21T4-QTD1	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	21T4-TCĐ1	16	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	21T4-TMĐ1	9	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	21C1-KTD1	10	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	21C1-LGT1	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21C1-QTD1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21C1-QTD2	6	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Tài chính doanh nghiệp	21C1-TCĐ1	6	Nợ môn
2022				199	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	22T4-KTD1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	22T4-LGT1	27	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22T4-QTD1	40	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	22T4-TCĐ1	14	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	22T4-TMĐ1	21	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	22C1-KTD1	14	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	22C1-LGT1	12	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD1	8	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD2	14	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	22C1-TMĐ1	10	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	22C2B-KTD1	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Logistics	22C2B-LGT1	2	Nợ môn
13	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C2B-QTD1	1	Nợ môn
2023				205	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	23T4-KTD1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	23T4-LGT1	17	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23T4-QTD1	24	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	23T4-TMĐ1	20	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	23C1-KTD1	19	
6	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	23C1-LGT1	26	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C1-QTD1	17	
8	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	23C1-TMĐ1	16	
9	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD1	5	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD2	2	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Logistics	23C2-LGT1	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C2-QTD1	8	Nợ môn
13	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	23C2-TCĐ1	6	Nợ môn
14	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	23C2-TMĐ1	9	Nợ môn
2024				385	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Logistics	24T3-LGT1Q12	26	TT GDTX Quận 12
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Thương mại điện tử	24T3-TMĐ1Q12	68	TT GDTX Quận 12
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	24T4-KTD1	31	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	24T4-LGT1	38	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24T4-QTD1	22	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	24T4-TMĐ1	25	
7	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	24C1-KTD1	14	
8	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	24C1-LGT1	17	
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24C1-QTD1	16	
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	24C1-TMĐ1	16	
11	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	24C2-KTD1	29	
12	Cao đẳng - LT	Logistics	24C2-LGT1	17	
13	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24C2-QTD1	29	
14	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	24C2-TCĐ1	17	
15	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	24C2-TMĐ1	20	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2025				73	
1	Trung cấp - 1N3	Tài chính doanh nghiệp	25T2-TCĐ1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	25T4-KTD1	10	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	25T4-LGT1	11	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	25T4-QTD1	16	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	25T4-TCĐ1	6	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	25T4-TMĐ1	6	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	25C1-KTD1	4	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	25C1-LGT1	5	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	25C1-QTD1	3	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Tài chính doanh nghiệp	25C1-TCĐ1	2	SV khóa mới
11	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	25C1-TMĐ1	5	SV khóa mới
12	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	25C2-KTD1	3	SV khóa mới
13	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	25C2-TCĐ1	1	SV khóa mới
Khoa Du lịch - Khách sạn				766	
2020				46	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	20T4-KLB1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	20T4-QDL1	8	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	20T4-QKS1	3	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	20T4-QLH1	3	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	20T4-QNH1	10	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	20C1-KLB1	2	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	20C1-QKS1	2	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	20C1-QNH1	2	Nợ môn
2021				48	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	21T4-KLB1	10	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	21T4-QDL1	10	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	21T4-QKS1	12	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	21T4-QLH1	4	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	21T4-QNH1	8	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	21C1-QNH1	4	Nợ môn
2022				136	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB2	25	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	22T4-QDL1	19	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	22T4-QKS1	28	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	22T4-QNH1	22	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	22C1-KLB1	1	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	22C1-QKS1	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị lễ hành	22C1-QLH1	1	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	22C1-QNH1	3	Nợ môn
2023				194	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB1	26	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB2	23	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	23T4-QDL1	21	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	23T4-QKS1	27	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	23T4-QNH1	38	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	23C1-KLB1	9	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	23C1-QKS1	18	
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	23C1-QNH1	17	
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	23C2-KLB1	6	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	23C2-QDL1	1	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	23C2-QKS1	6	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Quản trị nhà hàng	23C2-QNH1	2	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2024				245	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	24T4-KLB1	55	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	24T4-QDL1	16	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	24T4-QKS1	31	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lữ hành	24T4-QLH1	12	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	24T4-QNH1	31	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	24C1-KLB1	9	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	24C1-QKS1	22	
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	24C2-KLB1	27	
9	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	24C2-QDL1	19	
10	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	24C2-QKS1	23	
2025				97	
1	Trung cấp - 1N3	Kỹ thuật làm bánh	25T2-KLB1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	25T4-KLB1	29	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	25T4-QDL1	11	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	25T4-QKS1	24	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lữ hành	25T4-QLH1	5	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	25T4-QNH1	15	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	25C1-KLB1	4	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	25C1-QKS1	6	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	25C1-QNH1	2	SV khóa mới
Khoa Ngoại ngữ				678	
2020				36	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	20T4-NNA1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	20T4-NNA2	19	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	20C1-NNA1	1	Nợ môn
2021				44	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	21T4-NHQ1	4	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	21T4-NNA1	14	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	21T4-NNA2	21	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	21T4-NTN1	2	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	21C1-NNA1	3	Nợ môn
2022				102	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	22T4-NTN1	17	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA1	31	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA2	24	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	22T4-NHQ1	15	
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	22C1-NNA1	9	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	22C1-NTN1	1	Nợ môn
7	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	22C2B-NNA1	5	Nợ môn
2023				122	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA1	25	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA2	29	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	23T4-NHQ1	9	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	23T4-NTN1	8	
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	23C1-NNA1	14	
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	23C1-NHQ1	4	
7	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	23C1-NTN1	7	
8	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	23C2-NNA1	26	Nợ môn
2024				315	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ1Q12	46	TT GDTX Quận 12
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ2Q12	56	TT GDTX Quận 12
3	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ3Q12	44	TT GDTX Quận 12
4	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Anh	24T3-NNA1Q11	23	TT GDTX Quận 11
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	24T4-NHQ1	8	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA1	31	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA2	24	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	24T4-NTN1	10	
9	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	24C1-NHQ1	3	
10	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	24C1-NNA1	21	
11	Cao đẳng - LT	Tiếng Hàn Quốc	24C2-NHQ1	6	
12	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	24C2-NNA1	38	
13	Cao đẳng - LT	Tiếng Nhật	24C2-NTN1	5	
2025				59	
1	Trung cấp - 1N3	Tiếng Anh	25T2-NNA1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	25T4-NHQ1	5	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	25T4-NNA1	28	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	25T4-NTN1	13	SV khóa mới
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	25C1-NNA1	8	SV khóa mới
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	25C1-NTN1	3	SV khóa mới
7	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	25C2-NNA1	1	SV khóa mới
Tổng cộng:				10.471	

1 Cao đẳng - 2.5 năm	3.529
2 Cao đẳng - Chất lượng cao	133
3 Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast	15
4 Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	43
5 Cao đẳng - Liên kết quốc tế	20
6 Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	25
7 Cao đẳng - Liên thông	1.313
8 Trung cấp - 1 năm 3 tháng	30
9 Trung cấp - 3 năm (GDNN)	4.963
10 Trung cấp - 3 năm (GDTX)	399
11 Trung cấp - 1 năm (Buổi tối)	1

TỔNG CỘNG = 10.471

PHÒNG TTGD-QHDN

TP. HCM, ngày 01 tháng 8 năm 2025

Q. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chiến



TS. Đinh Văn Đệ